

KẾ HOẠCH

**Cấp nước an toàn, chống thất thoát, thất thu nước sạch
trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2020-2025**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

Căn cứ Quyết định số 2147/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia chống thất thoát, thất thu nước sạch đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Quốc gia đảm bảo cấp nước an toàn giai đoạn 2016 - 2025;

Theo Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Hà Nam đến năm 2030.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam xây dựng Kế hoạch cấp nước an toàn, chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2020-2025 với các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

a) Bảo đảm cung cấp ổn định, đủ lượng nước, duy trì áp lực cấp nước và đảm bảo chất lượng nước cấp theo quy định.

b) Đưa ra các giải pháp đối phó với các sự cố bất thường và các nguy cơ, rủi ro có thể xảy ra trong toàn bộ quá trình sản xuất, cung cấp nước sạch từ nguồn đến khách hàng sử dụng nước.

c) Góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng, giảm thiểu các bệnh tật liên quan đến nước, phòng ngừa dịch bệnh và phát triển kinh tế xã hội.

d) Từng bước giảm tỉ lệ thất thoát, tiết kiệm tài nguyên nước và bảo vệ môi trường.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Đến năm 2023:

- Tỷ lệ người dân đô thị được dùng nước sạch đạt trên 96%, tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước sạch từ các nhà máy nước sạch tập trung đạt trên 88%.

- Tỷ lệ hệ thống cấp nước ở khu vực đô thị được lập và thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn (CNAT) đạt 70% đặc biệt đối với các hệ thống phục vụ đô thị loại IV trở lên gồm thành phố Phủ Lý và đô thị Duy Tiên; đối với hệ thống cấp nước khu vực nông thôn tối thiểu 40%.

- Giảm thiểu lượng nước thải sinh hoạt đô thị loại IV trở lên chưa qua xử lý trước khi xả ra môi trường xuống còn 75%.

- Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch dưới 20% đối với đô thị loại IV trở lên, dưới 25% đối với đô thị loại V.

b) Đến năm 2025:

- Tỷ lệ người dân đô thị được dùng nước sạch đạt trên 98%, tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước sạch từ các nhà máy nước sạch tập trung đạt trên 90%.

- Để đảm bảo mục tiêu của quy hoạch cấp nước vùng tỉnh là chậm nhất đến năm 2025 chấm dứt sử dụng nguồn nước không đảm bảo, việc lập và thực hiện Kế hoạch CNAT cần đạt 100% đối với các hệ thống cấp nước.

- Giảm thiểu lượng nước thải sinh hoạt đô thị loại IV trở lên chưa qua xử lý trước khi xả ra môi trường xuống còn 70%.

- Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch dưới 18% đối với đô thị loại IV trở lên, dưới 20% đối với đô thị loại V.

II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Kế hoạch này được triển khai thực hiện tại các đô thị, các khu công nghiệp và các khu dân cư nông thôn tập trung trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng là các hệ thống cấp nước tập trung

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật và các cơ chế chính sách liên quan đến hoạt động CNAT và chống thất thoát, thất thu nước sạch

- a) Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước sạch tỉnh Hà Nam.

- b) Nghiên cứu ban hành các chính sách ưu đãi, khen thưởng trong công tác đảm bảo CNAT và chống thất thoát, thất thu nước sạch.

- c) Rà soát và có lộ trình sửa đổi giá bán nước sạch trên địa bàn tỉnh.
- d) Triển khai ký kết thỏa thuận dịch vụ cấp nước nhằm nâng cao trách nhiệm quản lý giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với các vùng cấp nước và các đơn vị cấp nước trong việc đầu tư, phát triển cấp nước đồng thời thực hiện bảo đảm CNAT.
- e) Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện Kế hoạch CNAT các hệ thống cấp nước đô thị, nông thôn.

2. Quản lý khai thác sử dụng và bảo vệ nguồn nước

- a) Lập kế hoạch cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh trên cơ sở Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ (*kèm theo Quyết định số 3021/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh*).
- b) Xây dựng phương án bảo vệ, cải tạo chất lượng nguồn nước khai thác đáp ứng yêu cầu bảo đảm CNAT.
- c) Điều tra, khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.
- d) Xử lý nghiêm các vi phạm về xả thải gây ô nhiễm nguồn nước, khai thác sử dụng nguồn nước trái phép.

3. Kiểm tra, giám sát chất lượng nước và đánh giá kết quả thực hiện CNAT

- a) Các đơn vị cấp nước chịu trách nhiệm thực hiện nội kiểm, chất lượng nước, lưu trữ, quản lý hồ sơ theo dõi về chất lượng nước sạch và thực hiện báo cáo theo quy định; Ban chỉ đạo CNAT và các cơ quan quản lý nhà nước theo thẩm quyền tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo quy định hiện hành.
- b) Giám sát việc thực hiện, đánh giá kết quả lập và tổ chức thực hiện kế hoạch CNAT tại các đơn vị cấp nước.

4. Thực hiện kế hoạch CNAT, chống thất thoát nước và đầu tư phát triển nguồn cấp tập trung và mạng lưới cấp vùng theo Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh

- a) Tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án nước sạch đang triển khai thực hiện (*tập trung cho hệ thống cấp nước Nhà máy nước sạch sông Hồng*) và thu hút đầu tư xây dựng Nhà máy nước Đạo Lý.
- b) Triển khai việc lập kế hoạch CNAT cho các hệ thống cấp nước và tổ chức thực hiện, trong đó lồng ghép kế hoạch chuyển đổi nguồn nước đối với các nhà máy sử dụng nguồn nước không đảm bảo theo Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh đã phê duyệt.

5. Thực hiện các giải pháp quản lý, công nghệ và kỹ thuật trong CNAT và chống thất thoát, thất thu nước sạch tại các đơn vị cấp nước

- a) Đầu tư các thiết bị, công nghệ xử lý nước, kiểm soát chất lượng nước nhằm đảm bảo chất lượng nước theo quy định, đầu tư trang thiết bị hỗ trợ điều khiển lưu lượng, áp lực nước, kiểm soát nước rò rỉ.

b) Xây dựng và quản lý hệ thống ghi thu khoa học, phù hợp và bảo đảm chính xác, nhằm hạn chế gian lận trong hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch.

c) Lập lý lịch mạng lưới đường ống, đồng hồ đo nước, sử dụng việc quản lý mạng và đồng hồ nước bằng hệ thống định vị toàn cầu (GPS), hệ thống thông tin địa lý (GIS). Cải tạo, lắp đặt hệ thống Scada (*hệ thống điều khiển giám sát và thu thập dữ liệu*) phục vụ nâng cao hiệu quả công tác quản lý vận hành hệ thống cấp nước.

d) Triển khai rà soát và có kế hoạch thay thế sửa chữa các tuyến ống nước cũ có nguy cơ gây hỏng, rỉ mưng,... bằng các tuyến ống nước mới bảo đảm chất lượng ổn định lâu dài để cấp nước an toàn, chống thất thoát nước sạch.

e) Lắp đặt đồng hồ đạt tiêu chuẩn về chất lượng và đầy đủ về số lượng cho các đối tượng tiêu thụ. Đầu tư thay thế các đồng hồ cũ, định kỳ bảo dưỡng và kiểm định đồng hồ theo quy định.

6. Nâng cao năng lực về CNAT và chống thất thoát, thất thu nước sạch

a) Kiện toàn Ban chỉ đạo cấp nước an toàn tỉnh và các Ban cấp nước an toàn tại các đơn vị cấp nước.

b) Đào tạo, tăng cường năng lực cho cán bộ quản lý lĩnh vực cấp nước trong việc tổ chức quản lý thực hiện CNAT, chống thất thoát nước sạch, kiểm soát chất lượng nước, thực hiện thỏa thuận dịch vụ cấp nước trên địa bàn.

c) Tổ chức đào tạo, tập huấn về thực hiện kế hoạch CNAT và chống thất thoát, thất thu nước sạch cho các đơn vị cấp nước.

7. Nâng cao nhận thức cộng đồng

Xây dựng kế hoạch truyền thông về bảo đảm CNAT và chống thất thoát nước và triển khai thực hiện thông qua các hình thức khác nhau nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng với sử dụng tài nguyên nước.

8. Kinh phí thực hiện:

a) Từ nguồn ngân sách nhà theo phân cấp hiện hành, nguồn của đơn vị cấp nước và các nguồn huy động hợp pháp khác.

b) Tăng cường huy động các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia đầu tư phát triển hệ thống cấp nước theo hình thức đối tác công - tư (PPP) hoặc các hình thức khác theo quy định pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Xây dựng:

a) Là cơ quan thường trực Ban chỉ đạo CNAT tỉnh, tổ chức, hướng dẫn việc thực hiện kế hoạch, định kỳ báo cáo Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Rà soát, đôn đốc việc thực hiện ký kết Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước tại khu vực đô thị;

c) Đôn đốc việc lập Kế hoạch CNAT nói chung và đối với các đô thị nói riêng để đảm bảo mục tiêu đề ra;

d) Tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch CNAT của các hệ thống cấp nước khu vực đô thị;

e) Rà soát, đôn đốc tiến độ xây dựng, vận hành các hệ thống cấp nước và các trạm xử lý nước thải tại các đô thị theo quy hoạch.

2. Sở Y tế:

a) Thực hiện kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo quy định hiện hành, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tăng cường thanh tra, kiểm tra chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

b) Xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan thực hiện công tác truyền thông cho người dân về việc sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh góp phần phòng chống dịch bệnh.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, cấp lại giấy phép về tài nguyên nước và nhượng quyền khai thác tài nguyên nước theo thẩm quyền;

b) Khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành thanh tra, kiểm tra việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về tài nguyên nước và các vi phạm khác theo quy định của pháp luật;

d) Tổng hợp tình hình khai thác, sử dụng nước, các nguồn thải vào nguồn nước trên địa bàn, chia sẻ thông tin kịp thời về các đợt ô nhiễm, sự cố nguồn nước mặt giúp đơn vị cấp nước chủ động khắc phục các rủi ro về nguồn nước.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Hướng dẫn, đôn đốc việc lập và thực hiện kế hoạch CNAT tại khu vực nông thôn đảm bảo đạt tỷ lệ mục tiêu;

b) Tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch CNAT của các hệ thống cấp nước tại khu vực nông thôn;

c) Rà soát, đôn đốc việc thực hiện ký kết Thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước tại khu vực nông thôn;

d) Kiểm tra, đôn đốc tiến độ xây dựng, vận hành nhà máy nước sạch tập trung tại khu vực nông thôn.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Tăng cường công tác quản lý doanh nghiệp trong việc thực hiện các cam kết của Nhà đầu tư khi mua lại các nhà máy nước sạch thuộc sở hữu Nhà nước;

b) Đề xuất phân bổ, huy động nguồn lực trong và ngoài nước thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm CNAT.

6. Sở Tài chính:

a) Đề xuất và hướng dẫn cơ chế đối với việc thực hiện các nhiệm vụ về CNAT, kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, xây dựng lộ trình điều chỉnh giá nước sạch.

7. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền phổ biến nội dung Kế hoạch cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch.

b) Thực hiện tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin về nội dung sử dụng tiết kiệm nước, bảo vệ nguồn nước và các công trình cấp nước tới mọi người dân trên địa bàn tỉnh.

8. Ban quản lý các Khu công nghiệp:

a) Phổ biến, giám sát việc lập và thực hiện Kế hoạch CNAT đối với các đơn vị cấp nước trong các Khu công nghiệp;

b) Ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với các Công ty cấp nước trong các khu công nghiệp;

c) Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động các Trạm xử lý nước thải trong các khu công nghiệp.

9. Công an tỉnh: Tăng cường theo dõi, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi có nguy cơ làm ô nhiễm môi trường nước, các hoạt động xả thải trái phép vào các nguồn nước cấp tập trung,...

10. UBND các huyện, thành phố, thị xã:

a) Triển khai ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với các Công ty cấp nước trên địa bàn quản lý, tăng cường giám sát kế hoạch phát triển cấp nước và lộ trình cải thiện điều kiện dịch vụ của các Công ty, giám sát việc thực hiện Kế hoạch CNAT của các Công ty;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch, phương án và kinh phí cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước hàng năm trên địa bàn quản lý; Chịu trách nhiệm quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ nguồn nước được phê duyệt trên địa bàn;

c) Tăng cường nắm bắt kiến nghị của người dân về chất lượng nước và có phản ánh đầy đủ, cụ thể về Ban Chỉ đạo CNAT tỉnh;

d) Đôn đốc kiểm tra việc triển khai thực hiện đầu nối vào hệ thống thoát nước thải, quản lý tình hình hoạt động của các cơ sở xử lý nước thải trên địa bàn để nâng cao tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý.

11. UBND các xã, phường, thị trấn:

a) Phối hợp thực hiện việc tuyên truyền về sử dụng nước sạch và bảo vệ nguồn nước cho người dân đảm bảo an toàn cấp nước và chống thất thoát nước trên địa bàn;

- b) Tăng cường các biện pháp phát hiện các trường hợp gây ô nhiễm, báo cáo cơ quan chức năng có thẩm quyền để có biện pháp xử lý kịp thời;
- c) Vận động người dân sử dụng đúng và hiệu quả thuốc bảo vệ thực vật;
- d) Theo dõi, giám sát việc xả thải của các trang trại chăn nuôi, các làng nghề, các bãi chôn lấp, nghĩa trang để bảo vệ nguồn nước trên địa bàn.

12. Các đơn vị cấp nước:

- a) Thành lập Ban CNAT và chống thất thoát, thất thu nước sạch tại đơn vị; Lập, trình phê duyệt Kế hoạch CNAT và chống thất thoát, thất thu nước sạch của các hệ thống cấp nước thuộc đơn vị quản lý;
- b) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, đánh giá các tác động đến chất lượng nguồn nước cấp, nghiên cứu, đề xuất biện pháp quản lý nguồn gây ô nhiễm, lựa chọn nguồn nước khai thác lâu dài, dự phòng;
- c) Đầu tư, cải tạo công trình cấp nước, thiết bị điều khiển hệ thống cấp nước; công nghệ xử lý nước tiên tiến; công nghệ thông tin trong quản lý, vận hành hệ thống cấp nước;
- d) Lập kế hoạch đào tạo, nâng cao năng lực thực hiện CNAT và chống thất thoát nước cho cán bộ, người lao động của đơn vị;
- e) Thực hiện truyền thông, nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ nguồn nước, sử dụng nước sạch tiết kiệm và an toàn.

13. Chế độ kiểm tra, báo cáo

Định kỳ 6 tháng, một năm các ngành, các cấp thực hiện nghiêm túc chế độ kiểm tra, giám sát, báo cáo định kỳ gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, các hội, đoàn thể;
- UBND các huyện, thị xã, TP;
- VPUB tỉnh;
- Lưu VT, NN.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Vượng